TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày 11-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký TAND huyện Thái Thụy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04A/2020/HSST-QĐ ngày 12/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Tuấn A, sinh ngày 17/02/1977 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị V, sinh năm 1950; Có vợ là Phạm Thị O (sinh năm 1979) và 02 con (Con lớn sinh năm 2004; nhỏ sinh năm 2007). Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 1996 đến năm 1998 xuất ngũ trở về địa phương; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

2. Vũ Văn H1, sinh ngày 03/11/1997 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L (sinh năm 1955) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1958). Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2016 đến năm 2018 xuất ngũ trở về địa phương; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

3. Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/12/1993 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (sinh năm 1971) và bà Đặng Thị Y (sinh năm 1972); Có vợ là Khúc Thị G (sinh năm 1994); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

4. Lê Thanh Th, sinh ngày 27/02/1986 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Hoành Quan Triều, xã Thụy Dương (nay là xã Dương Phúc), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh N (sinh năm 1956) và bà Vũ Thị T (sinh năm 1958); Có vợ là Trương Thị T (sinh năm 1995) và 01 con (sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

5. Trần Văn H2, sinh ngày 09/8/1978 tại huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D (sinh năm 1941) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1941); Có vợ là Đào Thị D (sinh năm 1986) và 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013). Tiền án, tiền sự: Không; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị Đảng bộ huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 24/02/2020; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

6. Nguyễn Thanh V, sinh ngày 11/12/1991 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V (sinh năm 1968) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1972). Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2012 đến năm 2014 xuất ngũ trở về địa phương; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

7. Nguyễn Trọng L, sinh ngày 02/10/1987 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn K (sinh năm 1959) và bà Phạm Thị B (sinh năm 1956). Có vợ là Chu Thị Bích T (sinh năm 1984) và 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

8. Ngô Đức T, sinh ngày 28/10/1991 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Đức K (sinh năm 1965) và bà Lê Thị R (sinh năm 1969). Có vợ là Ngô Thị Thu M, (sinh năm 1999) và 01 con (sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

9. Đỗ Hồng Q1, sinh ngày 17/8/1990 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Như A (sinh năm 1961) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1965); Có vợ là: Phạm Thị T (sinh năm 1993) và 01 con (sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

10. Trương Công Q2, sinh ngày 29/10/1984 tại huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Công T (sinh năm 1954) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1959); Có vợ là Nguyễn Thị Mai H (sinh năm 1987) và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 21/01/2020 đến ngày 24/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

**** Người làm chứng:***

- Anh Ngô Doãn N, sinh năm 1988; Địa chỉ: G, huyện T, tỉnh Nam Định.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.
- Anh Vũ Trung H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.
- Anh Nguyễn Hồng D, sinh năm 1981; Địa chỉ: xã C, huyện G, thành phố Hà Nội.
- Anh Vũ Trọng P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện E, tỉnh Nam Định.
- Ông Nguyễn Đức X, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 20/01/2020, sau khi tổ chức liên hoan tất niên tại Công ty xây dựng Việt Hàn (có địa chỉ ở thôn Thượng Phúc, xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình), Nguyễn Thanh V, Vũ Tuấn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Trọng L, Lê Thanh Th ngồi chơi, uống nước tại khu nhà trọ do ông Nguyễn Đức X là chủ nhà. Khi đang ngồi nói chuyện, Vũ Tuấn A thấy bộ bài tú lơ khơ để ở dưới gầm bàn nên đã cầm bài xuống ngồi dưới chiếu ở nền nhà. Thấy Tuấn A cầm bài, L, Th, B và V hiểu ý là chơi đánh bạc ăn tiền nên cùng ngồi xuống chiếu đánh bạc. Cả nhóm thống nhất đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức "đánh ba cây". Luật chơi như sau: Quy ước sử dụng lá bài từ A đến 9 trong bộ bài, tương ứng với cách tính điểm số từ 1 đến 9. Mỗi ván người chơi đặt tiền tối thiểu từ 50.000 (năm mươi nghìn) đồng đến tối đa không quá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, sau đó mỗi người chơi được chia ba lá bài, điểm số là tổng điểm ba lá bài cộng lại, người chia bài là người cầm chương, sau khi ngửa bài mọi người đọ bài tính điểm với người cầm chương, ai điểm cao hơn thì sẽ được số tiền tương ứng đã đặt trước, bài sáp (ba cây đồng chất) thì được số tiền gấp ba lần, nếu tròn 10 điểm thì số tiền tăng gấp đôi và người chơi được cầm chương ở ván tiếp theo, nếu người đó không cầm chương thì sẽ bốc bài để xác định người cầm chương tiếp theo. Thấy mọi người đánh bạc, khoảng 10 phút sau Trần Văn H2, Ngô Đức T và Đỗ Hồng Q1 đang có mặt ở nhà trọ của ông Nguyễn Đức X cũng ngồi xuống chiếu cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, Trần Văn H2 đi bộ từ nhà trọ của mình đến chơi, thấy mọi người đánh bạc nên đã vay của Vũ Tuấn A số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng và tham gia đánh bạc. Lúc cả nhóm đang đánh bạc, Trương Công Q2 nằm ngủ trên giường tại nhà trọ, lúc tỉnh dậy Q2 xuống ngồi bên Th chơi cùng và thả cửa chung với Th một ván. Ngoài ra, tại nhà trọ lúc bấy giờ còn có Ngô Doãn N, Nguyễn Văn T, Vũ Trung H, Nguyễn Hồng D, Vũ Trọng P cũng có mặt ngồi xem các đối tượng đánh bạc nhưng không tham gia chơi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, lực lượng Công an huyện Thái Thụy phát hiện, bắt quả tang cả nhóm đang đánh bạc. Cơ quan điều tra đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 15.660.000 (mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 lá. Cả mười bị cáo đều khai nhận tổng số tiền các bị cáo đánh bạc bị thu giữ trên chiếu là 15.660.000 đồng, trong đó theo các bị cáo thì số tiền dùng để đánh bạc của từng bị cáo lần lượt ước chừng là: Vũ Tuấn A 1.100.000 đồng, Vũ Văn H1 10.260.000 đồng, Nguyễn Văn B 650.000 đồng, Nguyễn Thanh V 560.000 đồng, Nguyễn Trọng L 450.000 đồng, Lê Thanh Th 1.000.000 đồng (trong đó 200.000đ mang đi đánh bạc và 800.000 đồng Th được), Ngô Đức T 610.000 đồng, Đỗ Hồng Q1 400.000 đồng, Trần Văn H2 1.000.000 đồng và Trương Công Q2 50.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo mang theo và có ý định dùng toàn bộ số tiền

đó để đánh bạc, tuy nhiên trong quá trình chơi Th thua nên các bị cáo không nhớ chính xác là bao nhiêu tiền.

Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 09/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Văn B, Trần Văn H2, Vũ Văn H1, Nguyễn Trọng L, Ngô Đức T, Lê Thanh Th, Đỗ Hồng Q1 và Trương Công Q2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Tuấn A, Trần Văn H2, Nguyễn Văn B, Lê Thanh Th, Trần Văn H2, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Trọng L, Ngô Đức T, Đỗ Hồng Q1 và Trương Công Q2 phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Tuấn A mức án 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn H2 mức án 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn B mức án từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thanh Th mức án từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn H2 mức án từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách

từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thanh V mức án từ 9 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Trọng L mức án từ 9 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Ngô Đức T mức án từ 9 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Đỗ Hồng Q1 mức án từ 6 tháng đến 9 tháng, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Trương Công Q2 mức án phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề xuất xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí.

Các bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, do thiếu hiểu biết và bồng bột, ham vui nhất thời nên đã không ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo tha thiết xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, để các bị cáo yên tâm cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại

phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai của những người làm chứng anh Ngô Doãn N, anh Nguyễn Văn T, anh Vũ Trung H, anh Nguyễn Hồng D, anh Vũ Trọng P, ông Nguyễn Đức X; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 20 giờ ngày 20/01/2020, các bị cáo Vũ Tuấn A, Trần Văn H2, Nguyễn Văn B, Lê Thanh Th, Trần Văn H2, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Trọng L, Ngô Đức T, Đỗ Hồng Q1 và Trương Công Q2 đã có hành vi cùng nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức "Đánh ba cây" với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.660.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321 Tội đánh bạc:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…

……..

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo đều nhận thức được việc thực hiện hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử và xử các bị cáo mức hình

phạt tương xứng là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi phạm tội, tất cả đều là người thực hành. Bị cáo Vũ Tuấn A là người khởi xướng, bị cáo Trần Văn H2 tham gia đánh bạc nhiều tiền nhất, cả hai bị cáo đều tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt nên cùng giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Thanh Th và Trần Văn H2 do số tiền dùng để đánh bạc gần tương đương nhau, bị cáo Bộ số tiền đánh bạc ít hơn nhưng tham gia đánh bạc từ đầu nên cùng giữ vai trò thứ hai. Các bị cáo Nguyễn Thanh V, Nguyễn Trọng L và Ngô Đức T, Đỗ Hồng Q1 và Trương Công Q2 đều tham gia đặt cửa nên cùng giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[5] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Tuấn A đã có thời gian thực hiện nghĩa vụ Q2 sự và có mẹ là thương binh loại 4/4 nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn H2, Nguyễn Thanh V đều đã có thời gian thực hiện nghĩa vụ Q2 sự nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51. Bị cáo Lê Thanh Th và Đỗ Hồng Q1 đều có bố đẻ là thương binh nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn H2 có bố đẻ và mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trương Công Q2 sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, có xác nhận của địa phương ở nơi cư trú. Các bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, đều có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vũ Tuấn A, Trần Văn H2, Nguyễn Thanh V, Lê Thanh Th, Đỗ Hồng Q1, Trần Văn H2, Trương Công Q2 đều có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy có khả năng tự cải tạo, việc không cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành

hình phạt tù, cho các bị cáo hưởng án treo, riêng bị cáo Trương Công Q2 tham gia đánh bạc một ván, số tiền đánh bạc không nhiều nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, cũng như đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp của nước ta khi xây dựng Bộ luật hình sự hiện hành, đề cao hiệu quả phòng ngừa, tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội và trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm theo hướng giảm bớt hình phạt tù, mở rộng các hình phạt khác. Ngoài ra, cho các bị cáo hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát, giáo dục vừa thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước ta, vừa tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy là phù hợp.

[7] Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích kiếm lời, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo này đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng gì có giá trị, công việc chưa ổn định do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 không có việc làm nên xét thấy chỉ cần phạt tiền ở mức thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt, xử phạt bị cáo Vũ Tuấn A, Trần Văn H2 mỗi bị cáo 5.000.000 đồng và các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Thanh Th, Trần Văn H2, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Trọng L, Ngô Đức Tiến, Đỗ Hồng Q1 mỗi bị cáo 3.000.000 đồng sung vào công quỹ nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : Số tiền 15.660.000 đồng thu giữ trên chiếu là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 lá là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với số tiền 1.210.000 đồng (Một triệu hai trăm mười nghìn) đồng Cơ quan điều tra thu giữ, quản lý tại giường ngủ trong phòng khách khi khám xét khẩn cấp tại nhà ở của ông Nguyễn Đức X ngày 20/01/2020, qua quá trình điều tra, xác minh nhận thấy: Số tiền này là của bị cáo Trương Công Q2, Trương Công Q2 khai nhận đây là số tiền Q2 dùng để bắt xe về quê ăn tết, không nhằm mục đích đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trương Công Q2 là phù hợp. Đối với ông Nguyễn Đức X ngày 20/01/2020, ông Hân không biết, không ở cùng nơi các bị cáo đánh bạc, không tham gia cùng các bị cáo đã đánh bạc tại nhà mình cho thuê trọ nên Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý là phù hợp.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Tuấn A, Trần Văn H2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Trọng L, Lê Thanh Th, Ngô Đức T, Đỗ Hồng Q1, Trần Văn H2, Trương Công Q2 phạm tội *"Đánh bạc"*.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Vũ Tuấn A mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Bị cáo Vũ Văn H1 mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Bị cáo Lê Thanh Th mức án 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Bị cáo Trần Văn H2 mức án 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Bị cáo Nguyễn Thanh V mức án 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Bị cáo Đỗ Hồng Q1 mức án 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn B mức án 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Bị cáo Nguyễn Đức T mức án 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Bị cáo Nguyễn Trọng L mức án 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo Trương Công Q2 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Thanh V, Vũ Tuấn A, Nguyễn Văn B, Vũ Văn H1, Nguyễn Trọng L, Ngô Đức T, Đỗ Hồng Q1 cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lê Thanh Th cho Ủy ban nhân dân xã D (xã F cũ), huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trần Văn H2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 15.660.000 (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng. Tịch thu tiêu hủy 1 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 Q2.

(Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo Vũ Tuấn A, Vũ Văn H1, Nguyễn Văn B, Lê Thanh Th, Trần Văn H2, Nguyễn Thanh V, Nguyễn

Trọng L, Ngô Đức T, Đỗ Hồng Q1 và Trương Công Q2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/6/2020./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh